

PHƯƠNG PHÁP PHÂN LOẠI
CỦA THƯ-VIỆN Y-KHOA QUỐC-GIA HOA-KỲ

: 0 :

NGUYỄN-THỊ-NGA

Có nhiều phương pháp phân loại sách y-khoa nổi tiếng khác như Phương pháp của Thư-Viện Quốc-Hội Hoa-Kỳ (LC), phương pháp Cunningham, thập phân Dewey, phương pháp Thư viện Y-Khoa Boston v.v..., nhưng trọng phạm vi bài này chúng tôi chỉ xin giới thiệu phương pháp của Thư-Viện Y-Khoa Quốc-Gia Hoa-Kỳ được biết như National Library of Medicine, viết tắt là NLM.

Phương pháp của Thư-Viện Y-Khoa Quân-Đội Mỹ (Army Medical Library) hay Thư-Viện Y-Khoa Quân-Lực Mỹ (Armed Forces Medical Library), hay Thư-Viện Y-Khoa Quốc-Gia Hoa-Kỳ là một phương pháp mới nhứt và quan trọng nhứt hiện nay ở Hiệp-Chủng-Quốc. Phương pháp này được phát triển theo khuôn khổ của Thư-Viện Quốc-Hội Mỹ, dùng chữ W cho phần lâm sàng học (clinical) và từ QS đến QZ cho phần bình nghiệm học (preclinical). Trong đường hướng này, phương pháp trên sẽ được dùng để phân loại những tài liệu y khoa và khoa học căn bản và phương pháp Thư-Viện Quốc-Hội dùng để phân loại những sách không phải y học trong cùng một sưu tập.

Bảng tóm lược như sau :

Khoa-Học bình nghiệm

QS : Cơ thể học
QT : Sinh-lý-học
QU : Sinh-Hóa-Học
QV : Dược-liệu-học
QW : Vi-sinh-học và miễn
dịch học
QX : Ký-sinh-học
QY : Cơ thể bình lý
QZ : Bình lý học

Y-Khoa và Những môn trực hệ

W : Nghề-nghiệp Y-khoa
WA : Y-tế công; cộng
VB : Y-khoa thực hành
WC : Bình nhiên học
WD 100 : Bệnh thiếu kháng
sinh

WD 200 : Bệnh đại tã
WD 300 : Bệnh biến ứng
WD 400 : Thủ độc
WD 500 : Cây độc
WD 600 : Bệnh do điều kiện
vật-chất
WD 700 : Y-khoa Hàng-không và
Không gian
WE : Hệ thống xương bắp thịt
WF : Hệ thống hô hấp
WG : Hệ thống tuần hoàn
WH : Hệ thống nội-tiết
và tan dịch
WI : Hệ thống tiêu-hóa
VF : Hệ thống tiết niệu

WK	: Phê thống nội tuyến	WS	: Nhi khoa
WL	: Thần kinh hệ	WT	: Nhược lão khoa. Bệnh tuổi tác
WM	: Thần kinh bệnh học	WU	: Nha khoa. Giải phẫu miệng
WN	: Quang tuyển khoa	WV	: Khoa tai mũi họng
WO	: Giải phẫu khoa	WW	: Thần khoa
WP	: Phụ khoa	WX	: Bệnh viện
WR	: Bì phu khoa	WY	: Nghề khán hộ
WQ	: Sân khoa	WZ	: Lịch sử Y-khoa

Bảng kê trên được sắp đặt theo một trật tự rất hợp lý theo tiêu đề môn loại và những môn mà từ trước đã không được ghi vào đây, như WN. Quang tuyển khoa, và WT, nhược lão khoa, bây giờ đã được xếp vào.

Bảng mục lục xếp theo mầu tự và là chìa khóa tuyệt hảo cho tất cả chương trình y khoa và lại gồm cả những danh từ mà Thư-Viện Quốc-Hội Mỹ dùng.

Phương pháp này chỉ được áp dụng tiêu đề môn loại cho sách mà thôi.

Còn ấn phẩm khác như tạp-chí thì được chia riêng và ký hiệu phân-loại nằm trong 6 lớp sau :

Lớp 1 - W1

Lớp 2 - tùy theo phân loại của Thư-Viện Quốc-Hội Mỹ

Lớp 3 - W3

Lớp 4 - WX2

Lớp 5 - W2

Lớp 6 - như sách.

Ngoài ra còn có các bảng phân chia như sau :

Bảng A : dùng từ số 1 đến 32 cho cùng một phần từ đầu cho đến cuối.

1 : xã hội

2 : công việc tổng-quát

11 : lịch-sử.

Ví dụ : WP11 - lịch-sử phụ khoa

WS11 - lịch-sử nhi khoa

Bảng R gồm tất cả các tài liệu liên hệ đến cơ thể, sinh lý, bệnh tật và trị liệu trong một cách cấu tạo đặc biệt :

- 01, thuộc giải phẫu hô và Phổi

- 02, thuộc sinh lý.

Ví dụ : WI 301 : giải phẫu bao tử

WF 101 : giải phẫu hệ thống tiết niệu.

Từ số - 40 đến - 42 cho các bệnh tật (nói một cách tổng quát), khảo sát, định bệnh, phương pháp định bệnh và bệnh lý trong l hình thức cấu tạo chuyên biệt.

Ví dụ : WF 140 : bệnh về bộ máy hô hấp

WF 141 : khảo sát, định bệnh, phương pháp định bệnh về hệ thống xương, bắp thịt.

Từ số - 40 đến - 49 dành cho triệu chứng bệnh và điều kiện khác nhau hay trường hợp của bệnh căn học.

Từ số 50 đến 59 dùng cho phom căn bnh và số - 60 đến - 69 dùng cho trị liệu.

Bảng G phân chia vùng theo địa dư. Thế giới được chia ra làm 10 vùng và được cho chữ như sau :

A - Hiệp-Chủng-Quốc

B - Châu-Ây, La-Tinh

I - Anh Quốc

G - Châu Phi

J - Á Châu

K - Úc Châu

L - Đảo ở Thái Bình Dương

M - Các vùng khác trên thế giới

P - Địa cực.

Phương pháp trên là sự kết hợp giữa những chữ và các số. Đó là ký hiệu giản dị nhất vì chỉ có một vài trường hợp mới đi đến 4 con số. Nó lại dễ chép, dễ giảng nghĩa, và dễ dùng. Phương pháp này được coi như khá mềm dẻo để thích ứng với nhu cầu, vì có nhiều khoảng trống để có thể thêm vào trong tương lai nếu có nhiều tiêu đề môn loại mới phát minh của ngành y khoa, và lại được sự bảo trợ của Chánh Thủ Mỹ, điều đó bảo đảm cho sự an hành liên tục, thường xuyên khi cần thêm những môn mới. Phương pháp này không phải là một phương pháp toàn hảo nhất, và nó đã dựa trên phương pháp Cunningham. Phương pháp NLM được sắp xếp rất thích hợp cho những y-sĩ chuyên biệt như về tiết niệu, và nhãn khoa v.v.... Những y-sĩ này học một cách nhanh chóng ký hiệu phân loại và tìm sách rất dễ dàng trên kệ có liên hệ đến ngành chuyên môn của mình.

Một ưu điểm khác của phương pháp này là sự cập nhật hóa

liên tục, lại thêm một mục lục để tìm. Hình thức của phương pháp trên rất là lôi cuốn, dễ đọc, và có nhiều khoảng trống cho các ký hiệu thêm vào hoặc là thay đổi khi cần.

Tóm lược :

Phương pháp phân loại của Thư viện Y-hoa Quốc-Gia Hoa-Kỳ được phát triển từ năm 1948. Hiện nay phương pháp trên đã được hầu hết các Thư-viện Y-Khoa trên thế giới áp dụng. Phương pháp này là một sự nối rộng từ phương pháp Thư-Viện Quốc Hội Mỹ, nên phần đông các quản thủ thường kết hợp cả hai phương pháp trên để tổng kê và phân loại sách y-khoa. Tuy nhiên, phương pháp Thư-Viện Y-Khoa Quốc-Gia Hoa-Kỳ cũng khá đầy đủ cho phân y-học như phân bình nghiệm học dùng từ chữ QS đến QZ và phân lâm sàng học dùng chữ W đến WZ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. American Medical Association. Handbook of medical library practice. 2d ed. Chicago, 1956
2. Bloomquist, H. Ten years of progress and problems, 1946-56. Bull M.L.A. 47: 144-164, 1959
3. Grandal, E.L. Army Medical Library, 1st ed., 1951.
Bull M.L.A. 41: 340-344, 1953
4. Marsh, E.D. Army Medical Library Classification.
Preliminary ed., 1948. Bull M.L.A. 41: 334-339, 1953
5. U.S. Armed Forces Medical Library. Classification. 2d ed. Washington, D.C., 1956
6. U.S. Public Health Service. National Library of Medicine Classification. 3d ed. Bethesda, Md., 1964

○
○/○
—
○-
(—)
///
○/○